

Bản án số: **08/2021/HNGĐ-ST**

Ngày: 01-03-2021

V/v “Ly hôn”

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN THANH KHÊ, THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Đặng Ngọc Hưng

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Nguyễn Thế Quyết
2. Bà Lê Thị Nhớ

**-Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Cẩm Anh— Thư ký Tòa án nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng.

**-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Ngọc Quyên - Kiểm sát viên.

Trong ngày **01 tháng 3 năm 2021**, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 461/2020/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 10 năm 2020 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 461/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 18 tháng 01 năm 2021 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông **Đỗ Thành Th**, sinh năm 1945. Nơi cư trú: K268/3 đường A, phường B, quận C, Tp Đà Nẵng. Có mặt.

2. *Bị đơn:* Bà **Huỳnh Thị T**, sinh năm 1952. Nơi cư trú: K45/H50/12 đường D, phường E, quận G, thành phố Đà Nẵng. Vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

**\* Trong đơn khởi kiện gửi đến Tòa án, bản tự khai và tại phiên tòa sơ thẩm hôm nay, nguyên đơn – ông Đỗ Thành Th trình bày:**

- Về quan hệ hôn nhân: Tôi và bà Huỳnh Thị T kết hôn với nhau vào năm 1992, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Thạch Thang, quận Hải Châu, Tp Đà Nẵng. Hôn nhân trên cơ sở tự nguyện.

Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống được một thời gian thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do tính tình không hợp, khác nhau về quan điểm sống. Hai bên đã nhiều lần cố gắng giải quyết những mâu thuẫn để cùng đoàn tụ

nhưng không được, chúng tôi đã sống ly thân hơn 10 năm nay. Nay tôi xác định tình cảm không còn nên yêu cầu được giải quyết ly hôn với bà Huỳnh Thị T.

- Về con chung: Tôi và bà T có 01 con chung là Đỗ Vân A, sinh năm 1993, đã trưởng thành nên không đề cập đến.

- Về tài sản chung, nợ chung: Tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết.

\* **Đối với bị đơn – bà Huỳnh Thị T:** Từ khi Tòa án thụ lý vụ án cho đến khi xét xử đều không có mặt theo giấy triệu tập, không có ý kiến phản hồi đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

\* Tại phiên tòa hôm nay, đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng phát biểu ý kiến như sau:

- Thẩm phán, Hội đồng xét xử; Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án.

- Về quan hệ hôn nhân: Qua xem xét các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án, diễn biến tại phiên tòa, có căn cứ xác định vợ chồng ông Th và bà T có mâu thuẫn trầm trọng. Xét yêu cầu ly hôn của ông Th đối với bà T là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 51, 56 của Luật Hôn nhân và gia đình nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông Th.

- Về con chung: Ông Th xác định có 01 con chung là Đỗ Vân A, sinh năm 1993, đã trưởng thành nên không đề cập đến.

- Về tài sản chung, nợ chung: Ông Th không yêu cầu giải quyết nên không đề cập giải quyết.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về thủ tục tố tụng: Tranh chấp giữa ông Đỗ Thành Th và bà Huỳnh Thị T là tranh chấp về hôn nhân gia đình. Bị đơn có nơi cư trú tại K45/H50/12 đường D, phường E, quận G, thành phố Đà Nẵng nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Thanh Khê theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa, bị đơn là bà Huỳnh Thị T được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan, căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà T.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Ông Đỗ Thành Th và bà Huỳnh Thị T xây dựng gia đình với nhau vào năm 1992, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Thạch Thang, quận Hải Châu, Tp Đà Nẵng. Hôn nhân trên cơ sở tự nguyện. Đây là hôn nhân hợp pháp nên được pháp luật công nhận và bảo vệ. Theo ông Th sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống được một thời gian thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do tính tình không hợp, khác nhau về quan điểm sống. Hai bên đã nhiều lần cố gắng giải quyết những mâu thuẫn để cùng đoàn tụ nhưng không được,

hai bên đã sống ly thân hơn 10 năm nay. Nay ông Th xác định tình cảm không còn nên yêu cầu được giải quyết ly hôn với bà Huỳnh Thị T.

Xét yêu cầu của ông Th thì thấy: Mọi quan hệ hôn nhân chỉ thực sự tồn tại khi vợ chồng yêu thương, cùng nhau xây đắp gia đình. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành tổng đạt các văn bản tố tụng cho bà T nhưng bà T không có mặt tại Tòa án, cũng như không có ý kiến phản hồi. Điều này thể hiện bà T không còn tha thiết với cuộc hôn nhân này, không có thiện chí hàn gắn hạnh phúc gia đình. Qua xác minh tại địa phương thể hiện ông Th và bà T không sống chung với nhau, ông Th đã chuyển đi nơi khác sinh sống khoảng 05, 06 năm nay. Do đó, có căn cứ xác định mâu thuẫn của ông Th, bà T đã đến mức độ trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của ông Th cũng như ý kiến của Kiểm sát viên, cho ông Đỗ Thành Th được ly hôn bà Huỳnh Thị T là phù hợp với Điều 51, 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Ông Th xác định có 01 con chung là Đỗ Vân A, sinh năm 1993, đã trưởng thành nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Ông Th không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Án phí: Do ông Th sinh năm 1945, hiện nay 76 tuổi, là người cao tuổi và có đơn xin miễn án phí nên ông Th không phải chịu án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số: 326/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 về việc "Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, sử dụng án phí lệ phí Tòa án" của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận đơn khởi kiện của ông Đỗ Thành Th về việc “Ly hôn” đối với bà Huỳnh Thị T.

#### **Xử:**

1.Về quan hệ hôn nhân: Cho ông Đỗ Thành Th được ly hôn với bà Huỳnh Thị T.

2.Về con chung: Ông Th xác định có 01 con chung là Đỗ Vân A, sinh năm 1993, đã trưởng thành nên Hội đồng xét xử không xem xét.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Ông Th không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Án phí: Ông Th được miễn án phí.

Báo cho nguyên đơn biết được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Báo cho bị đơn biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận hoặc niêm yết bản án.

**Nơi nhận:**

- Các bên đương sự;
- VKSND quận Thanh Khê;
- Chi cục THADS quận Thanh Khê;
- UBND phường Thạch Thang, quận Hải Châu, Tp Đà Nẵng (GCNKH số 664 ngày 25/5/1992)
- Lưu Hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Đặng Ngọc Hưng**